

**CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI LAM SƠN C&T**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI LAM SƠN C&T

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: LAM SON C&T CONSTRUCTION AND TRADING COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: LAM SON C&T

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0313864696

**3. Ngày thành lập:** 16/06/2016

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Phòng 104, 18/19 Nguyễn Cửu Vân, Phường 17, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: 0901305779

Fax:

Email: [lttdat@lamsoncnt.com](mailto:lttdat@lamsoncnt.com)

Website: [www.lamsoncnt.com](http://www.lamsoncnt.com)

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                            | Mã ngành                                                     |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|
| 1.  | Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét<br>(không hoạt động tại trụ sở)                                                                                                                                                                      | 0810                                                         |
| 2.  | Sản xuất đồ gỗ xây dựng<br>(không hoạt động tại trụ sở)                                                                                                                                                                              | 1622                                                         |
| 3.  | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                                                                                              | 4663(Chính)                                                  |
| 4.  | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                 | 4752                                                         |
| 5.  | Sửa chữa máy móc, thiết bị                                                                                                                                                                                                           | 3312                                                         |
| 6.  | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp                                                                                                                                                                                              | 3320                                                         |
| 7.  | Thoát nước và xử lý nước thải                                                                                                                                                                                                        | 3700                                                         |
| 8.  | Xây dựng nhà các loại                                                                                                                                                                                                                | 4100                                                         |
| 9.  | Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ                                                                                                                                                                                            | 4210                                                         |
| 10. | Xây dựng công trình công ích                                                                                                                                                                                                         | 4220                                                         |
| 11. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                                                                                                                                           | 4290                                                         |
| 12. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                                                                                                    | 4312                                                         |
| 13. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí<br>(trừ lắp đặt các thiết bị lạnh (thiết bị cấp đông, kho lạnh, máy đá, điều hòa không khí, làm lạnh nước) sử dụng ga lạnh R22 trong lĩnh vực chế biến thủy hải sản) | 4322                                                         |
| 14. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                                                                                                                                       | 4329                                                         |
| 15. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                       | 4330                                                         |
| 16. | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                                                                                                                                                                  | 4390                                                         |
| 17. | Đại lý, môi giới, đấu giá<br>(trừ môi giới bất động sản).                                                                                                                                                                            | 4610                                                         |
| 18. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình                                                                                                                                                                                                   | 4649                                                         |
| 19. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                                                                                                                                                                      | 4659                                                         |
| 20. | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất<br>(trừ dịch vụ mang tính pháp lý)                                                                                                                                 | 6820                                                         |
| 21. | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan                                                                                                                                                                                  | 7110                                                         |
| 22. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác                                                                                                                                                                                  | 7730                                                         |
| 23. | Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm<br>Chi tiết: Hoạt động của các đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm (trừ cho thuê lại lao động)                            | 7810                                                         |
| 24. | Vệ sinh chung nhà cửa                                                                                                                                                                                                                | 8121                                                         |
| 25. | Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác                                                                                                                                                                                               | 8129                                                         |
| 26. | Đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ được kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật                                                                                                         | Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam |

6. **Vốn điều lệ:** 10.000.000.000 VNĐ

7. **Danh sách thành viên góp vốn:**

| STT | Tên thành viên   | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Giá trị vốn góp (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | LÊ SINH KHÔI     | Số 11, Tổ 31, Phường Dịch Vọng, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam            | 5.000.000.000         | 50,000    | 012097054                                                                                                                                         |         |
| 2   | LÊ TRỊNH TẤT ĐẠT | 64 Tịch Điền, Phường Ba Đình, Thành phố Thanh Hoá, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam          | 5.000.000.000         | 50,000    | 173340111                                                                                                                                         |         |

8. **Người đại diện theo pháp luật:**

\* **Họ và tên:** LÊ TRỊNH TẤT ĐẠT **Giới tính:** Nam  
**Chức danh:** Giám đốc  
**Sinh ngày:** 08/11/1990 **Dân tộc:** Kinh **Quốc tịch:** Việt Nam  
**Loại giấy tờ chứng thực cá nhân:** Chứng minh nhân dân  
**Số giấy chứng thực cá nhân:** 173340111  
**Ngày cấp:** 08/08/2005 **Nơi cấp:** Thanh Hóa  
**Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:** 64 Tịch Điền, Phường Ba Đình, Thành phố Thanh Hoá, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam  
**Chỗ ở hiện tại:** Phòng 104, 18/19 Nguyễn Cửu Vân, Phường 17, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

\* **Họ và tên:** LÊ SINH KHÔI **Giới tính:** Nam  
**Chức danh:** Giám đốc  
**Sinh ngày:** 08/04/1980 **Dân tộc:** Kinh **Quốc tịch:** Việt Nam  
**Loại giấy tờ chứng thực cá nhân:** Chứng minh nhân dân  
**Số giấy chứng thực cá nhân:** 012097054  
**Ngày cấp:** 26/01/2006 **Nơi cấp:** Hà Nội  
**Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:** Số 11, Tổ 31, Phường Dịch Vọng, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam  
**Chỗ ở hiện tại:** Số 11, Tổ 31, Phường Dịch Vọng, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

9. **Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hồ Chí Minh